

Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca trong Tủ sách Địa phương chí Nam bộ

Cao Tự Thanh

SAU GIA ĐỊNH THÀNH THÔNG CHÍ CỦA TRỊNH HOÀI ĐỨC NĂM 1821, NHIỀU QUYỂN ĐỊA PHƯƠNG CHÍ NAM BỘ LẦN LƯỢT RA ĐỜI, GÓP THÊM VÀO TỦ SÁCH VĂN HIẾN VIỆT NAM MỘT MẢNG TÁC PHẨM QUAN TRỌNG. PHẢN ẢNH QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, TỔ CHỨC XÃ HỘI, BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM Ở ĐỊA PHƯƠNG. TỪ NHIỀU GÓC ĐỘ KHÁC NHAU, MẢNG TÁC PHẨM NÀY MANG MỘT NỘI DUNG SỬ LIỆU PHONG PHÚ VÀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÍCH CỰC KHÔNG CẦN BÀN CẢI NHIỀU HƠN, TUY NHIÊN CÁC BIẾN ĐỘNG LỊCH SỬ Ở VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ NAM BỘ NÓI RIÊNG TỪ NỬA SAU THẾ KỶ XIX TRỞ ĐI CÒN MANG LẠI CHO CÁC TÁC PHẨM ẤY NHỮNG SẮC THÁI HỌC THUẬT - THỰC TIỄN RIÊNG BIỆT TIÊU BIỂU CHO CÁC GIAI ĐOẠN KHÁC NHAU TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ - VĂN HÓA NAM BỘ. KHỞI ĐI TỪ CÁCH HIỂU NÀY, CÓ THỂ KỂ TỚI NAM KỶ PHONG TỤC NHƠN VẬT ĐIỂN CA CỦA NGUYỄN LIÊN PHONG, QUYỂN ĐỊA PHƯƠNG CHÍ NAM BỘ ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG THẾ KỶ XX.

Vài nét về tác giả và nội dung Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca

Nguyễn Liên Phong chưa rõ tiểu sử, chỉ biết ông là người Bình Định (có thuyết nói là Nghệ An), giỏi âm nhạc và thơ văn, có tham gia phong trào Văn thân ở miền Trung cuối thế kỷ XIX, khi phong trào này thất bại thì lánh vào Nam kỳ. Theo *Điều cốt hạ kim thi tập* thì ông có gặp Nguyễn Đình Chiểu ở Bến Tre⁽¹⁾, theo đó thì ông đã vào Nam kỳ trước 1888 - có lẽ khoảng trước sau Hòa ước Patenôtre tháng 6-1884. Sau khi vào Nam, ông đi khắp Lục tỉnh dạy đàn, thỉnh thoảng làm thuốc, dạy chữ Nho, viết văn bia, đặt câu đối để kiếm sống, có cộng tác viết bài cho báo *Nông cổ Mìn đàm* khoảng 1906 - 1907 và cộng tác với Nguyễn An Cư dịch *Tam quốc diễn nghĩa*⁽²⁾. Ngoài *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* xuất bản năm 1909, ông có trước tác *Điều cốt hạ kim thi tập* xuất bản năm 1915.

Nguyễn Liên Phong có người bạn là Đinh Thái Sơn người Nghệ An, theo Lê Bá Đảng vào Nam nhưng sau đó bỏ Đảng về Tân Định làm nghề đóng sách rồi mở nhà in. Hai tác phẩm của Nguyễn Liên Phong đều do Đinh Thái Sơn xuất bản, và đáng chú ý là sau khi *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* được in thì hai người cùng được triều đình Duy Tân ban thưởng kim khánh hạng ba, Nguyễn Liên Phong được thưởng năm Duy Tân thứ 3 (1909) còn Đinh Thái Sơn được thưởng năm Duy Tân thứ 5 (1911)⁽³⁾. Con ông là nhạc sĩ Nguyễn Tùng Bá, cũng là thầy dạy cổ nhạc, từng đi khắp Nam kỳ dạy đàn. Nguyễn Tùng Bá có viết hai quyển sách dạy đàn (điệu cũ, lời mới) là *Bát tài tử* viết lời theo các tích trong truyện Tàu, xuất bản năm 1915 và *Bán đờn kim*, xuất bản năm 1925.

Ngoài lời tựa của tác giả và phần Phụ lục *Những*

mấy bài của anh em tặng gồm một số thơ văn của người đương thời ca ngợi, đề cao tác phẩm, *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* có 23 đoạn gồm đoạn Mở đầu giới thiệu tổng quan về hình thế địa lý Nam bộ và 22 đoạn viết về 22 tỉnh và thành phố ở Nam kỳ đầu thế kỷ XX là Vũng Tàu, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Sài Gòn, Chợ Lớn (bao gồm cả thành phố Chợ Lớn), Tân An, Gò Công, Bến Tre, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên, Châu Đốc, Sa Đéc, tất cả hơn 6.700 câu thơ (đài gấp đôi *Truyện Kiều* và *Lục Vân Tiên*). Ngoài ra quyển sách còn sao lục hơn 20 tác phẩm thơ văn Hán Nôm, trong đó có những tác phẩm ít thấy phổ biến như bài thơ *Kinh quá Quy Nhơn cổ thành* của Lê Văn Khôi hay vài tác phẩm mang nội dung yêu nước chống Pháp của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Hữu Huân.

Về quá trình biên soạn *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* thì hiện chưa có đủ tư liệu để tìm hiểu chi tiết, nhưng căn cứ vào các câu “Năm Nhâm Dần tháng Giêng ngày vọng”, “Hơn năm dư chép thảo lần lần” trong *Lời tựa* của Nguyễn Liên Phong thì đại khái nó bắt đầu được khởi thảo từ ngày 25-2-1902 và hoàn thành trong năm 1903, ngoài ra bài thơ chữ Hán in trên bìa sách có câu “Lịch tứ thu viên thành” (Trái bốn thu hoàn thành), nghĩa là phải đến khoảng 1906, 1907 quyển sách mới có cái diện mạo gần như hiện có, tức cái diện mạo đã được chính quyền thực dân kiểm duyệt và cho phép xuất bản “Quan Giám khảo xem tường trong đục, Lấy đậu rồi mấy lúc chưa in”. Tuy nhiên, ngay từ đoạn *Mở đầu*, người ta đã thấy tác giả nói tới cái chết của vua Campuchia Norodom ngày 24-4-1904 “Giáp Thìn ngài đã giá băng mới rồi”,

còn suốt quyển sách tác giả cũng nhắc tới nhiều sự kiện sau đó như trận bão lụt Giáp Thìn tháng 5-1904, nạn cào cào phá lúa ở Nam kỳ năm Ất Ty 1905, việc Đốc phủ sứ Nguyễn Văn Hay ở Giồng Trôm làm lễ khánh hạ ngày 21-3 năm Bính Ngọ 1906 “Bính ngũ hăm mốt tháng ba” (câu 3531)..., thậm chí cả những sự kiện như “Nữ trường thiết lập mới đây” (câu 3983) chỉ trường nữ Tiểu học Mỹ Tho lập năm 1808 hay nhân vật “Chánh soái Lo-bu-cốp-ki, Đương kim hiện tại trấn thì Đông Dương” (câu 2497 – 2498) tức Toàn quyền Đông Dương Klobukowski (được phong làm Toàn quyền ngày 26-6-1908, chính thức nhậm chức ngày 24-9-1908), nên có thể xác quyết rằng sau khi hoàn thành lần đầu năm 1903, quyển sách đã liên tục được Nguyễn Liên Phong bổ sung, sửa chữa cho đến ngày được in mới thôi. Việc “cập nhật hóa” liên tục nhưng không đồng bộ này đã khiến các tư liệu có tính chất thống kê về hệ thống hành chính ở các tỉnh Nam kỳ được nêu trong *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* không trở thành hệ thống theo đúng nghĩa. Ví dụ về tỉnh Bà Rịa, tác giả viết có 7 tổng “Bốn tổng phong tục kiệm cần, Còn ba tổng Mọi đều dân cuộc cày” (câu 325 – 326), nhưng con số này chỉ đúng đến 1905, chứ từ 1906 trở đi Bà Rịa có 9 tổng kể cả tổng Vũng Tàu tức Cap Saint Jacques, còn câu “Chín tổng trong chín mươi làng” về tỉnh Cần Thơ (câu 5495) thì chỉ đúng đến 1904, chứ từ 1905 trở đi thì tỉnh này có 97 thôn... Tương tự, 22 hạt trong *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* gồm 20 tỉnh, thành phố Sài Gòn và thành phố Vũng Tàu, tuy từ 1-4-1905 theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương thành phố này đã bị xóa bỏ, sáp nhập lại vào tỉnh Bà Rịa, còn thành phố Chợ Lớn cũng là thành phố cấp 2 (thành lập bằng Nghị định) như thành phố Vũng Tàu thì lại bị gộp vào tỉnh Chợ Lớn chứ không được viết thành một hạt riêng. Rõ ràng về mặt này thì *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* không theo kịp tiến trình hành chính ở địa phương, nói khác đi thì quá trình biên soạn kéo dài như thế đã khiến tác phẩm ít nhiều mất đi “tính thời sự” khi được xuất bản. Cũng cần nói thêm rằng những lý do khách quan còn không cho phép tác giả đề cập tới “phong tục và nhân vật” Nam kỳ ở Côn Đảo, lúc bấy giờ được tổ chức thành một đơn vị hành chính đặc biệt (Pénitencier de Poulo Condore)... mà chỉ có thể nhắc qua trong đoạn *Mở đầu*...

Đĩ nhiên hiện cũng còn vài tư liệu ít nhiều soi rọi quá trình sáng tác *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca*. Khoảng 1906 – 1907, Nguyễn Liên Phong là một “Phụ diễn” (cộng tác viên) thường xuyên của tờ *Nông cổ Mìn đàm* lúc này do Trần Chánh Chiêu làm chủ bút, đóng góp bài vở khá đều đặn cho tờ báo. Trong thời gian này ông có viết một bài giải thích thành ngữ “Mả ngục đầu thai” đăng trên Phụ trang tờ *Nông cổ Mìn đàm* số 269 như sau:

“Năm Nhâm Thìn Minh Mạng thập tam, ngục Khôi lấy thành Gia Định, sau bị binh triều vào vây, lúc ấy mua trị bán loạn, vốn một lời mười, nhân dân đều ham, lén đem đồ vô thành buôn bán, vô bao nhiêu

thì giặc bắt ở lại trong thành, cộng kể trước sau là 1.225 người.

Qua năm Ất vị, Minh Mạng thập lục, quan binh hãm thành đặng, tướng thần só tấu chỉ hết người trong thành đều là tặc đảng, vua đương lúc giận hạ chiếu biên tru, đào một cái hầm sau đồng Tập Trận, sâu hầm rộng lớn, bắt kỳ nam phụ lão ấu đều chém hết xô xuống hầm rồi lấp đất lại, tỵ hậu người đều gọi là Mả ngục.

Khi tân trào thâu thủ Nam kỳ đến nay, phong cảnh đổi mới, nhơn vật khác xưa, tại Sài Gòn - Chợ Lớn phàm đờn ông đờn bà, ai giận mắng con nít thì cứ nói Mả ngục đầu thai (...) Tôi làm vịnh lục bát *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* có đem tích ấy vào, nay dịch sơ ra đây một đoạn, và phụ một bài vịnh, một bài thi để trợ tiểu văn vân”⁽⁴⁾.

Đoạn trong bản thảo *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* được trích ấy nguyên văn như sau:

*Đông Tập trận gò cao đầy,
Kêu tên Mả ngục thưở nay biết cùng
Minh Mạng thập lục niên trung
Phan An thành hãm người trong hơn ngàn
Nguyên khi mua trị bán loạn,
Ham lời chẳng kể khôn nản chi đâu.
Vào thành lớp trước lớp sau,
Giặc đều bắt lại ở ấu ẽ hê.
Cho hay họa phúc khôn dè,
Đi vô thậm dễ ra về chín khôn.
Vừa khi thâu phục thành môn,
Tướng thần só tấu một phen tặc nhơn.
Cừu trùng tích nộ lắm cơn,
Can liên tội nghịch lòng hờn chẳng dung.
Biên tru hạ chiếu ngại rộng,
Nam phụ lão ấu chôn chung một hầm.
Tặc cừ chết đã cam tâm,
Rủi ro xích tử lỗi lầm vì đâu.
Oan hồn ăn thảm uống sầu,
Suối vàng lạnh lẽo ai cầu cho siêu.
Đời nay khôn quý quá nhiều,
Tục ngữ bày điều Mả ngục đầu thai.
Trớ trĩnh đặt để bởi ai,
Tình cờ tiếng nói còn hoài đến nay.*

Không kể bài thơ Đường luật, thì đoạn trong bản thảo *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* năm 1906 nói trên có 24 câu, nhưng đoạn tương ứng của nó trong bản in *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* năm 1909 chỉ có 20 câu:

*Phía sau đất trống minh mông,
Xưa đông Tập trận rộng thông tư bẽ.
Mô Súng dượt súng thường lễ,
Trường đua thi để đấu về ngựa hay.
Kể bên gò đất cao đầy,
Kêu rằng Mả ngục thưở nay tiếng cùng.
Minh Mạng thập lục niên trung,
Phan An thành hãm người trong hơn ngàn
Nam phụ lão ấu cả đoàn,
Tội lấy vạ tràng vua chẳng thứ dung.
Biên tru hạ chiếu ngại rộng,*

Quan hệ Việt Nam – Xiêm La THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

(Tiếp theo số 434)

Nguyễn Duy Chính

Hỗ trợ quân sự của Xiêm cho chúa Nguyễn

Theo tài liệu của nước ta thì chúa Nguyễn sang Xiêm năm 1784, sau đó có những lần đi theo viện binh trở về, đến 1787 thì về hẳn trong nước. Như trên đã nói, chúa Nguyễn trước đây triều cống cây vàng bạc cho Xiêm [coi như đã giao ước thần phục] nên khi qua Bangkok, việc đầu tiên ông đòi hỏi là viện trợ quân sự để về lấy lại nước:

“...Tháng 3 mùa xuân năm thứ 7, Giáp Thìn (1784) xa giá đến Xiêm La kể lại đầu đuôi mọi gian lao và cầu xin viện binh để lấy lại nước. Vua Xiêm lấy lễ để an ủi tiếp đãi và tặng quà rất

hậu. Phật vương [vua Xiêm] còn lấy tình giao hảo láng giềng hứa cử nghĩa binh giúp vua lấy lại nước. Nhị vương Xiêm La nhân đó nhắc lại việc năm trước là khi giao hòa với Thoại Ngọc hầu ở Cao Miên đã ước thề rằng nếu có hoạn nạn thì cứu lẫn nhau, nguyên hết sức với nhau. Không bao lâu, gặp khi Miến Điện xâm lấn ngoài biên, Nhị vương phải xuất chinh, nên ủy cho cháu là Chiêu Tăng làm soái tướng, Chiêu Suong làm tiên phong đem 2 vạn thủy binh cùng 300 thuyền chiến chọn ngày mùng 9 tháng 6 khởi hành đưa vua về nước, Tiếp Quận công theo hộ giá⁽¹⁾.

Quân Xiêm sang giúp chúa Nguyễn lần thứ nhất

Một chi tiết không thấy ghi trong sử Việt Nam là việc quân Xiêm sang giúp chúa Nguyễn năm Quý Mão (1783)⁽²⁾. Theo *Xiêm La thực lục* [Đệ Nhất Kỳ], năm đó vua Xiêm sai Phraya Nakhosawan đem một đạo quân sang Chân Lạp, tuyển thêm một đạo quân Miên đi theo. Liên quân Xiêm Miên tiến sang nước ta bằng đường thủy.

Người chỉ huy lực lượng Tây Sơn khi đó là Đông Định Vương Nguyễn Lữ [Ong Tinh Wuang theo sử Xiêm La] khi nghe tin quân Xiêm tiến qua liền sai người chặn đánh tại Sadec, hai

► Thành trung tặc đảng chôn chung một hầm.

Giặc loạn chết đã cam tâm,

Rủi ro xích tử lỗi lầm vì đâu.

Oan hồn ăn thảm uống sầu,

Suối vàng lạnh lẽo ai cầu cho siêu.

Đời nay khôn quý quá nhiều,

Tục ngữ bày điều Mã ngụy đầu thai.

Trở trình đặt để bởi ai,

Tình cờ tiếng nói còn hoài đến nay.

(Sài Gòn, câu 2213 - 2232)

So sánh về từ ngữ và nội dung, dễ nhận ra rằng đoạn trong bản in năm 1909 “nhẹ nhàng” hơn hẳn đoạn trong bản thảo năm 1906 khi nói về hành động của Minh Mạng sai tàn sát hơn 1.000 người nam phụ lão ấu trong thành Phiên An năm 1835. Nguyễn Liên Phong không những đã bỏ đi những câu như “Cửu trùng tích nộ lắm con, Can liên tội nghịch lòng hờn chẳng dung” mà còn sửa câu “Tặc cừ...” thành “Giặc loạn chết đã cam tâm”, ít mang hàm ý phê phán hơn đối với cả Lê Văn Khôi lẫn Minh Mạng. Trong trường hợp này cuộc binh biến thành Phiên An đã được cố gắng nhìn nhận một cách khách quan hơn mặc dù có thể vẫn chưa thật sự thỏa đáng, nhưng đặt vào hoàn cảnh lúc ấy thì đó lại là điều mà người đọc ngày nay không thể đòi hỏi nơi Nguyễn Liên Phong.

Tuy nhiên, những thiếu sót này khác trong *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca* cũng là một điều dễ hiểu, nếu nhớ lại rằng tác phẩm này chỉ do một cá nhân biên soạn. Điều đáng nói là với gần 7.000 câu thơ trong hình thức “điển ca” độc đáo của nó, quyển địa phương chí này đã phản ánh một cách tương đối toàn diện đời sống văn hóa - xã hội ở Nam Kỳ trước Chiến tranh Thế giới thứ nhất, và hơn thế nữa, còn thể hiện một ý thức dân tộc đậm nét không những của tác giả mà còn cả của một bộ phận khá đông trí thức địa phương. ■

(Xem tiếp kỳ sau)

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Liên Phong, *Điều cổ hạ kim thi tập*, Imprimerie L' Union, Sài Gòn, 1915, *Điều cổ thi tập*, tr.103
2. Theo bản in lần thứ 4 gồm 31 cuốn của *Tín Đức thư xã* năm 1929, bản dịch này là *Tín Đức thư xã* mua lại của Đình Thái Sơn, trong đó Nguyễn Liên Phong chỉ dịch có cuốn 1.
3. Theo tờ tâu của Phủ Phụ chính ngày 27 tháng 6 nhuận năm Duy Tân thứ 5 hiện được lưu giữ trong Châu bản triều Nguyễn, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1, Hà Nội.
4. Nguyễn Liên Phong, *Mã ngụy đầu thai*, Supplément du journal *Nông cổ Mìn đàm* số 269, ngày 11-12-1906.